

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2023/DS-PT
Ngày 22-9-2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Trần Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 03/3/2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1929; địa chỉ: số 65/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:*

1. Bà Bùi Nguyễn Cúc P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 127/7/7, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Nguyễn Cúc P: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: số 600, P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2022), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Bùi Nguyễn Hùng P1, sinh năm 1985; địa chỉ: số 65/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Nguyễn Hùng P1: Ông Nguyễn Hữu P2, sinh năm 1983; địa chỉ liên lạc: ấp A, xã H, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 06/9/2022), vắng mặt.

3. Bà Bùi Nguyễn Diễm P3, sinh năm 1987; địa chỉ: số 109/22, ấp C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1939; địa chỉ: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (chết ngày 17/4/2023).

5. Ông Ao Thanh C, sinh năm: 1942; địa chỉ: số 51/10 đường C, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, ông P1, bà P3, ông C: Ông Trương Minh T– Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Nguyễn Điền K, sinh năm 1971; thường trú: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Thanh H1, sinh năm 1974; thường trú: số 368C/8, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1983; địa chỉ liên lạc: số 64/24/21, đường số 8, khu phố 1, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phù Thị S, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp L, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Ông Phù Văn S1, sinh năm 1954; địa chỉ: số 466A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

3. Bà Phù Thị S2, sinh năm 1956; địa chỉ: số 809/18, T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Bà Phù Thị H2, sinh năm 1961; địa chỉ: số 809/18, T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Bà Phù Thị Hồng Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: số 809/18, T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phù Thị Hồng Đ:

5.1 Bà Phù Thị S, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

5.2. Ông Phù Văn S1, sinh năm 1954; địa chỉ: số 466A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

5.3. Bà Phù Thị S2, sinh năm 1956; địa chỉ: số 809/18, T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5.4. Bà Phù Thị H2, sinh năm 1961; địa chỉ: số 809/18, T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1961; địa chỉ: số 79/4/3, khu phố T, Phường 11, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1964; địa chỉ: số 5D, đường số 18, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Phước H4, sinh năm 1958; địa chỉ: số 197/30, C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1959; địa chỉ: số 197/30, C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Nguyễn Hòa H6, sinh năm 1968; địa chỉ: số 197/30, C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Minh, bà H1, ông Hải, bà Hà, ông Hiệp:
Bà Nguyễn Lê Bảo T2, sinh năm 1993; địa chỉ: số 197/30, C, Phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021), vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Minh H7, sinh năm 1971; địa chỉ: số 197/30, C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1939; địa chỉ: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (chết ngày 17/4/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X:

12.1. Ông Đinh Nhật H8, sinh năm 1944; địa chỉ: số 52/2 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

12.2. Bà Đinh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1968; địa chỉ: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

12.3. Ông Đinh Nguyễn Đăng K1, sinh năm 1969; địa chỉ: số 52/2 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

12.4. Ông Đinh Nguyễn Điền K, sinh năm 1971; địa chỉ: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

13. Ông Ao Thanh C, sinh năm: 1942; địa chỉ: số 51/10 đường C, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

14. Bà Đinh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1968; địa chỉ: số 24/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Nguyễn Hùng P1, bà Bùi Nguyễn Cúc P, bà Bùi Nguyễn Diễm P3 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (đã chết) và đại diện

hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bùi Nguyễn Hùng P1 là ông Nguyễn Hữu P2 và đại diện hợp pháp của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bùi Nguyễn Cúc P thống nhất trình bày:

Trong quá trình chung sống thì cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3 có 06 người con gồm:

1. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1926. Bà T4 chết ngày 18/8/1981, có chồng tên Phù Đại C1, chết năm 1986. Bà T4 có 06 người con gồm: bà Phù Thị S, ông Phù Văn S1, bà Phù Thị S2, bà Phù Thị H2, bà Phù Thị Lan C2, bà C2 mất năm 1983, không có chồng con và bà Phù Thị Hồng Đ, bà Đ đã chết ngày 12/10/2021, khi chết bà Đ không có chồng con. Không biết ông bà nội của bà Đ, ông bà ngoại của bà Đ là cụ Nguyễn Văn D và Ao Thị T3. Ngoài 06 người con ruột thì Bà T4 không có con nuôi nào khác.

2. Bà Nguyễn Thị H, đã chết ngày 25/11/2021, khi chết không để lại di chúc, bà H có chồng tên Bùi Hữu K2, đã chết năm 1992, khi chết không để lại di chúc, bà H có 01 người con tên Bùi Hữu P4, đã chết năm 2001. Ông nội của bà H là cụ Nguyễn Văn N, bà nội của bà H là cụ Thái Thị Đ1, ông ngoại của bà H tên Ao Văn T5, bà ngoại của bà H tên Đặng Thị T6 những người này đều đã chết, chết trước cụ D, cụ T3. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H không còn, chỉ có những người thuộc hàng thừa kế thứ 2 gồm: các cháu ruột của bà H là chị Bùi Nguyễn Diễm P3, chị Bùi Nguyễn Cúc P, anh Bùi Nguyễn Hùng P1 và em ruột của bà H là bà Nguyễn Thị X và ông Ao Thanh C.

3. Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1932, chết năm 2020, có vợ bà Nguyễn Thị S3, bà S3 chết năm 2013. Ông V có 06 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Phước H4, Nguyễn Thị Thu H5, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Hòa H6 và Nguyễn Minh H7. Ngoài 6 người con ruột nêu trên ông V không có con nuôi nào khác.

4. Bà Nguyễn Thị L, chết năm 2019, không có chồng con.

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1939, hiện còn sống.

6. Ông Ao Thanh C, sinh năm 1942, hiện còn sống.

Cha, mẹ của cụ D là cụ Nguyễn Văn N và cụ Thái Thị Đ1. Cha, mẹ của cụ T3 là cụ Ao Văn T5 và cụ Đặng Thị T6. Cụ N, cụ Đ1, cụ T5, cụ T6 đều đã chết trước cụ D và cụ T3.

Cụ Nguyễn Văn D, chết ngày 10/3/1995, cụ Ao Thị T3, chết ngày 18/10/1991. Khi cụ D, cụ T3 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ D, cụ T3 chết vào năm 2002 thì ông Nguyễn Tấn V yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ T3 nhưng chỉ chia diện tích đất 3.490m² do cụ Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tòa án đã tiến hành chia di sản thừa kế với diện tích đất 3.490m² theo Bản án số 13/DSST ngày 12/3/2003 của Tòa án nhân dân huyện D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Đối với phần quyền sử dụng đất hiện nay nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 142,4m² thuộc thửa đất số 2417, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 602632, sổ vào sổ

CN07151 ngày 15/01/2019, cập nhật biến động sang tên cho bà Bùi Thị Thanh H1 vào ngày 06/9/2019 và diện tích đất 150m² thuộc thửa đất số 2418, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 602633, số vào sổ CN07152 ngày 15/01/2019, cập nhật biến động sang tên cho bà Đinh Nguyễn Hoàng A ngày 06/9/2019. Phần đất này có nguồn gốc từ diện tích đất của cụ Nguyễn Văn D, sau khi cụ D chết bà Nguyễn Thị L đã tự đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2026/QSDD/CQĐH ngày 30/12/1999 với diện tích đất 3.706m². Sau đó vào khoảng năm 2013 Nhà nước thu hồi phần đất này và cấp cho bà Nguyễn Thị L 02 nền đất tái định cư nêu trên, bà L đã làm di chúc cho bà Bùi Thị Thanh H1 và bà Đinh Nguyễn Hoàng A mỗi người một thửa đất nêu trên. Việc bà L tự ý đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.706m² là không đúng nên quyền sử dụng đất 3.706m² vẫn là di sản của cụ D, cụ T3 và từ diện tích đất 3.706m² Nhà nước thu hồi và cấp cho bà L 02 nền tái định cư. Vì vậy thửa đất số 2417, 2418 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3 nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế làm 05 phần cho những thừa kế của cụ D, cụ T3 gồm: Chị của Bà T4, chị bà H, chị ông V, bà X và ông C. Đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn anh Bùi Nguyễn Hùng P1 yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất của thửa đất số 2417, trả lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

Ngoài di sản nêu trên cụ D, cụ T3 còn di sản gì khác hay không thì nguyên đơn không rõ, nếu còn thì nguyên đơn không tranh chấp trong vụ án này.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Bùi Nguyễn Diễm P3 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 29/8/2022 trình bày:

Thống nhất với lời khai, ý kiến của ông Bùi Nguyễn Hùng P1 và đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Ao Thanh C có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản biên bản tự khai ngày 15/6/2022 trình bày:

Ông Ao Thanh C là em ruột của bà Nguyễn Thị H, bà H chết có để lại di chúc hay không ông C không biết. Ông Ao Thanh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ nhân thân của cụ Ao Thị T3 và cụ Nguyễn Thị D, ông C thống nhất với lời khai của cháu Đinh Nguyễn Hoàng A.

Đến thời điểm hiện nay cha mẹ ông C không có tài sản nào chưa chia. Đối với quyền sử dụng đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2026/QSDD/CQĐH do UBND huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 30/12/1999 có nguồn gốc của cha ông C mua năm 1932, năm 1999 bà L đi làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các anh chị em trong gia đình đều biết và đồng ý với việc này, từ năm 1995 bà L là người quản lý, sử dụng phần đất này.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 06/8/2022 trình bày:

Bà X xác định không khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D, bà Ao Thị T3. Di sản của cha mẹ bà X đã chia hết, hiện nay không còn tài sản gì để chia.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2021 của bị đơn bà Bùi Thị Thanh H1 và lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn T1 trình bày:

Thông nhất về quan hệ huyết thống của ông Nguyễn Văn D và bà Ao Thị T3, như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Ông Đinh Nguyễn Điền K là cháu ngoại của cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3, là con của bà Nguyễn Thị X, là chồng của bà Bùi Thị Thanh H1.

Khi còn sống cụ D, cụ T3 có tạo lập được tài sản gì, khi chết cụ D, cụ T3 có lập di chúc hay không thì bị đơn không biết. Nhưng toàn bộ tài sản của cụ D, cụ T3 các người con đã có phần, những người này đã bán đi.

Đối với phần đất hiện nay bà Nguyễn Thị H đang khởi kiện bà H1, ông K đề yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ T3 là tài sản của bà Nguyễn Thị L, bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 584614, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2026 QSD/CQĐH do UBND huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/12/1999. Đất có nguồn gốc như thế nào phía bị đơn không rõ nhưng Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp pháp cho bà L. Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có tài sản gì, do ai xây dựng, xây dựng năm nào bị đơn không rõ. Tuy nhiên phần đất này thuộc quy hoạch dự án Đại học Quốc Gia Thành phố H nên đã bị thu hồi và bồi thường, hỗ trợ 02 suất tái định cư và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 suất tái định cư tại thửa 2417 và thửa 2418, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Trước khi chết bà Nguyễn Thị L có lập di chúc để lại 02 suất tái định cư nêu trên cho bà Bùi Thị Thanh H1 và bà Đinh Nguyễn Hoàng A, di chúc hợp pháp và đã được UBND phường Đ chứng thực, thực hiện di chúc của bà L thì bà H1 đã tiến hành khai nhận và được cập nhật biến động sang tên đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 602632, sổ vào sổ CH07151 với diện tích theo đo đạc thực tế là 142,4m², đối với thửa đất còn lại là của bà Đinh Nguyễn Hoàng A đã được cập nhật biến động sang tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản của ông Nguyễn Văn D là 02 nền đất tái định cư thuộc thửa đất số 2417 và 2418, tờ bản đồ số 3 (1BA-2), diện tích theo đo đạc thực tế là 292,4m² tọa lạc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thành 05 phần, bà Nguyễn Thị H (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà H) yêu cầu được hưởng 1/5 di sản, bị đơn không đồng ý vì tài sản bà H yêu cầu chia không phải là di sản thừa kế của cụ D và cụ T3 mà là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L. Bà H1 và bà A là người được hưởng thừa kế theo di chúc hợp pháp.

Bà Phù Thị S, ông Phù Văn S1, bà Phù Thị S2, bà Phù Thị H2 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của chị bà Nguyễn Thị T4, đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phù Thị Hồng Đ trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa thống nhất trình bày:

Các ông, bà là con của bà Nguyễn Thị T4 và ông Phù Đại C1. Bà T4 đã chết ngày 18/8/1981, ông Phù Đại C1, chết năm 1986. Bà T4 và ông C1 có 06 người con gồm các ông bà: Phù Thị S, Phù Văn S1, Phù Thị S2, Phù Thị H2, Phù Thị Lan C2 (đã chết năm 1983, khi chết không có chồng con) và Phù Thị Hồng Đ (đã chết ngày 12/10/2021, khi chết bà Đ không có chồng, con, không có di chúc).

Thông nhất về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3, như lời trình bày của nguyên đơn.

Khi còn sống cụ D, cụ T3 có tạo lập được tài sản gì hay không các đương sự không biết, trước khi chết cụ D, cụ T3 có lập di chúc hay không các đương sự không biết.

Thời điểm khi còn sống cụ D, cụ T3 có tạo được một số tài sản nhưng chưa chia cho các con, khi cụ D và cụ T3 chết thì ông Nguyễn Tấn V có yêu cầu Tòa án phân chia di sản kế và có Bản án sơ thẩm số 13/DSST ngày 12/3/2003, tuy nhiên bản án này chỉ chia phần đất 3.490m² do cụ Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 2417 và 2418, tờ bản đồ số 3 (1BA-2), diện tích theo đo đạc thực tế là 292,4m² tọa lạc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương là phần đất được cấp tái định cư khi Nhà nước thu hồi phần đất thổ mộ tại Đông Hòa, phần đất thổ mộ ở Đông Hòa là của cụ D và cụ T3, tuy nhiên cụ D, cụ T3 hay bà L có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, cấp năm nào các đương sự không rõ.

Khi còn sống cụ D, cụ T3 có cho mỗi người một phần đất ruộng để canh tác nhưng cụ thể từng người được bao nhiêu các đương sự không rõ, bà T4 được cho một phần đất ruộng tại xã T thuộc tỉnh Đồng Nai nhưng đến khi bà T4 chết năm 1981 thì gia đình không còn canh tác nữa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản của ông Nguyễn Văn D và bà Ao Thị T3 là 02 nền đất tái định cư thuộc thửa đất số 2417 và 2418, tờ bản đồ số 3 (1BA-2), diện tích 292,4 m² tọa lạc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thành 05 phần, các đương sự đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Nếu trong trường hợp Tòa án chia di sản của cụ D và cụ T3 cho chi của bà Nguyễn Thị T4 được hưởng thì đồng ý nhận phần của mình giá trị bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc chi ông Nguyễn Tấn V là ông Nguyễn Minh H7 và đại diện hợp pháp của ông Minh, bà H1, ông Hải, bà Hà, ông Hiệp là bà Nguyễn Lê Bảo T2 thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị S3 (đều đã chết), trong quá trình chung sống ông V và bà Sứ có 06 người con chung gồm các ông bà: Nguyễn Phước H4, Nguyễn Thị Thu H5, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Hòa H6 và Nguyễn Minh H7.

Ông Nguyễn Tấn V là con ruột ông Nguyễn Văn D và bà Ao Thị T3. Về quan hệ nhân thân của cụ T3 và cụ D thống nhất với lời khai của nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa.

Thời điểm khi còn sống cụ D, cụ T3 có tạo được một số tài sản nhưng chưa chia cho các con, khi cụ D và cụ T3 chết thì anh em có yêu cầu Tòa án phân chia di sản kế và có Bản án sơ thẩm số 13/DSST ngày 12/3/2003. Ngoài ra còn có một phần đất chưa chia tại xã Đ làm nghĩa địa của gia đình, tại Quyết định 1153/QĐ-UBND ngày 17/5/2007 của UBND huyện D về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất đối với hộ dân trong dự án xây dựng Đại Học Quốc Gia Thành phố H trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương, ghi rõ “Hộ”, đến thời điểm năm 2002, khi ông V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì phần đất này là đất thổ mộ nên ông V không yêu cầu chia di sản thừa kế. Khi Nhà nước thu hồi, bồi thường làm dự án xây dựng trường Đại học Quốc gia Thành phố H thì bà L đã tự ý làm thủ tục nhận tiền đền bù hỗ trợ và tự nhận 02 suất tái định cư. Tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ bà L đã nhận là 570.461.000 đồng, phần đất này cụ D, cụ T3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì các đương sự không biết. Khi bà Nguyễn Thị L chết không để lại di chúc nên việc chị Bùi Thị Thanh H1 cho rằng bà L có di chúc để lại 02 suất tái định cư cho chị Hằng và chị Đinh Nguyễn Hoàng A là không đúng.

Đối với phần đất hiện nay bà Nguyễn Thị H đang khởi kiện bà H1, ông K đề yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ T3 là chính xác, đây là tài sản của cụ D, cụ T3 nhưng bà L đã tự ý nhận tiền đền bù và nhận 02 suất tái định cư.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản của ông Nguyễn Văn D và bà Ao Thị T3 là 02 nền đất tái định cư thuộc thửa đất số 2417 và 2418, tờ bản đồ số 3 (1BA-2), diện tích theo đo đạc thực tế là 292,4m² tọa lạc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thành 05 phần, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế tài sản và chỉ ông V đồng ý nhận phần được hưởng giá trị bằng tiền nếu có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 17/3/2021 trình bày:

Bà X là chị gái ruột của bà Nguyễn Thị H là mẹ của Đinh Nguyễn Đình K và Đinh Nguyễn Hoàng A. Bà X đã già những chuyện trước đây không nhớ, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ao Thanh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 17/3/2021 trình bày:

Đến nay Nhà nước vẫn còn quy định đất nông nghiệp trồng cây hàng năm chỉ ai sử dụng mới được cấp quyền sử dụng và chỉ được phép sang bán quyền sử dụng đất. Chị 2 T4, chị 3 H, anh 5 Vân, sử dụng đất ở Tam Phước, Long Thành, chị 8 X ở Tam Phước và Bình An, ông C ở Bình An, chị 6 L ở Đông Hòa, không có tranh chấp trong gia đình. Lần trước Tòa phân chia tài sản theo yêu cầu của anh 5 Vân, chị 6 L lo việc thờ cúng, giữ gìn mồ mả ông bà nên được chia 3 phần A, D, C. Người thừa kế tài sản của chị L phải nhận trách nhiệm của chị L. Thời gian vừa qua, mấy cháu nhận thừa kế không làm tròn trách nhiệm để mồ mả vô chủ, nhà đất chia nát không còn chỗ thờ cúng, sinh ra thừa kiện hiện giờ.

Sau khi cha mẹ chết, ông V đã nhờ Tòa án phân chia tài sản, chị L ở nhà cha mẹ, lo việc thờ cúng và giữ gìn mồ mả, giữ nhà thờ và 03 phần đất, những người thừa kế của chị L phải có trách nhiệm làm thay chị L, con của chị Nguyễn Thị X là Đinh Nguyễn Điền K làm không tốt nên sinh ra thừa kiện. Ngay sau khi chị H chết thấy con dâu và cháu chị H là người thừa kế chị H không làm đúng theo sự sắp đặt từ trước của chị H, ông C không ủy quyền cho những người này thay chị H lo giữ gìn mồ mả cha mẹ ông C và bà L. Ông C muốn các cháu hòa thuận, phụ giúp hai cháu Đinh Nguyễn Hoàng A và Đinh Nguyễn Đăng K1 ở tại chỗ lo việc thờ cúng và giữ gìn mồ mả cha mẹ ông C.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Bà Đinh Nguyễn Hoàng A là con của bà Nguyễn Thị X và ông Đinh Nhật H8. Bà Nguyễn Thị X và ông Đinh Nhật H8 có 03 người con chung gồm: Đinh Nguyễn Đăng K1, Đinh Nguyễn Điền K và Đinh Nguyễn Hoàng A.

Bà Nguyễn Thị X là con cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3. Về quan hệ nhân thân của cụ T3 và cụ D, bà A thống nhất với lời khai của nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa.

Khi còn sống cụ D, cụ T3 có tạo lập được tài sản gì hay không, khi chết cụ D, cụ T3 có lập di chúc hay không bà A không biết. Tuy nhiên, sau khi cụ D, cụ T3 chết thì các cậu, dì trong gia đình đã có khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản kế và có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, toàn bộ tài sản của cụ D và cụ T3 đã chia hết, hiện nay không còn tài sản gì của cụ D, cụ T3 chưa chia.

Đối với phần đất hiện nay bà Nguyễn Thị H đang khởi kiện bà H1, ông K đề yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ T3 đây không phải là di sản của cụ D và cụ T3 mà là tài sản của bà L. Bà A là cháu bà L và ở với bà Nguyễn Thị L từ nhỏ, bà A đã được hưởng thừa kế theo di chúc của bà L, còn về nguồn gốc tài sản của bà L như thế nào bà A không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản của ông Nguyễn Văn D và bà Ao Thị T3 là 02 nền đất tái định cư thuộc thửa đất số 2417 và thửa đất số 2418, tờ bản đồ số 3 (1BA-2), diện tích 292,4m² tọa lạc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thành 05 phần, bà A không đồng ý vì thửa 2417 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà A và thửa đất số 2418 thuộc sở hữu của bà Bùi Thị Thanh H1 được bà L để lại di chúc tặng cho.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 127/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (đã chết, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn gồm: bà Nguyễn Thị X, ông Ao Thanh C, bà Bùi Nguyễn Diễm P3, bà Bùi Nguyễn Cúc P, ông Bùi Nguyễn Hùng P1) đối với bị đơn bà Bùi Thị Thanh H1 và ông Đinh Nguyễn Điền K về yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3 là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích là 142,4m², thửa 2417, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CL 602632, số vào sổ CN07151 ngày 15/01/2019, cập nhật biến động sang tên cho bà Bùi Thị Thanh H1 vào ngày 06/9/2019 và diện tích theo đo đạc thực tế là 150m² thửa đất số 2418, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 602633, số vào sổ CN07152 ngày 15/01/2019, cập nhật biến động sang tên cho bà Đinh Nguyễn Hoàng A ngày 06/9/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022 ông Bùi Nguyễn Hùng P1, bà Bùi Nguyễn Cúc P, bà Bùi Nguyễn Diễm P3 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyên đơn bà P, ông P1, bà P3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C – Luật sư Trương Minh T trình bày: Đối với diện tích 3.706m² bà L không được hưởng theo di chúc mà chỉ căn cứ từ Tờ Tổng chỉ năm 1998 nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong Tờ tổng chỉ chỉ có 4 người ký và thiếu chi Bà T4 và ông V ký tên. Trong tờ tổng chỉ chỉ cam kết cho bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và những người còn lại không từ chối nhận di sản thừa kế. Do đó, Tờ tổng chỉ không có giá trị pháp lý. Bản án năm 2003 không đề cập đến phần đất đang tranh chấp; chi Bà T4 và chi ông V còn những người thừa kế thế vị và họ vẫn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn. Đối với ông C thì hoàn cảnh của ông C rất khó khăn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết quyền lợi của ông C theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên đất không phải di sản của cụ D, cụ T3 mà của bà L và bà L để lại di chúc cho bà H1, bà A là đúng quy định của pháp luật. Trong bản án năm 2003 đã xác định đất đã được chia hết rồi và không ai đề cập đến đất của bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014 thì Nhà nước thu hồi đền bù 02 nền tái định cư cho bà L do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L; bà L để lại di chúc cho bà H1, bà A và cập nhật sang tên cho bà H1, bà A đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bình Dương tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định tư cách bị đơn: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cụ

Nguyễn Văn D và cụ Ao Thị T3 thừa đất số 2417, 2418 làm 05 phần cho những thừa kế của cụ D, cụ T3. Theo hồ sơ vụ án thể hiện, thừa đất số 2418 đã được UBND thị xã Dĩ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L ngày 15/01/2019 số vào sổ CH07152, đến ngày 06/9/2019 bà L đã tặng cho thừa 2418 cho bà Đinh Nguyễn Hoàng A; thừa 2417 đã được UBND thị xã Dĩ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L ngày 15/01/2019 số vào sổ CH07151, đến ngày 06/9/2019 bà L đã tặng cho thừa 2417 cho bà Bùi Thị Thanh H1. Tuy nhiên, khi nguyên đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý chỉ xác định bị đơn trong vụ án là bà Bùi Thị Thanh H1 và ông Đinh Nguyễn Điền K. Chỉ xác định tư cách bà Đinh Nguyễn Hoàng A là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mà không phải là bị đơn trong vụ án là xác định sai tư cách bị đơn đối với bà Đinh Nguyễn Hoàng A, vi phạm nghiêm trọng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khi tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H đối với bị đơn bà H1, ông K về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với cả hai thừa đất 2417 và 2418 là không phù hợp về nội dung.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định tư cách đương sự dẫn đến nội dung giải quyết vụ án không phù hợp. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh B, ông Đinh Nhật H8, ông Đinh Nguyễn Điền K, ông Ao Thanh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Hữu P2, bà Phù Thị S, ông Phù Văn S1, bà Phù Thị S2, bà Phù Thị H2, bà Nguyễn Lê Bảo T2, ông Nguyễn Minh H7 vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này theo quy định của Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người kháng cáo: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Nguyễn Hùng P1 là người kháng cáo. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu P2 là người đại diện theo ủy quyền của ông P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P1 trình bày ông P4 gặp sự cố trên đường đến Tòa án nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Nguyễn Hùng P1 do ông Nguyễn Hữu P2 đại diện.

[1.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020 (bút lục 01, 02) bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ D, cụ T3 để lại giao cho bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng đất. Sau đó quyền sử dụng đất bị giải tỏa đền bù 2 nền tái định

cụ có tổng diện tích 292,4m² thuộc thửa số 2417, 2418 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà H chết nên ông P1, bà P, bà P3, bà X, ông C kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H. Theo trình bày của ông P1, bà P3, bà P thì thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà H chia di sản của cụ D, cụ T3 cho chi của bà H là 1/5 và nhận hiện vật 60m². Theo trình bày của bà X thì thống nhất trình bày của bị đơn, không đồng ý chia di sản vì đây không phải di sản của cụ D, cụ T3. Còn đối với trình bày của ông C thì ông C yêu cầu chia theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà L chết để lại trong đó gồm phần đất trước đây bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có bản án sơ thẩm năm 2003 trong vụ án ông V tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất theo đo đạc thực tế có diện tích 3.251,94m² cấp cho ông Do ngày 17/01/1998 (theo Bản án số 13/DSST ngày 12/03/2003 của TAND huyện D). Đồng thời ông C cũng có ý kiến yêu cầu đối với phần tài sản các bên đang tranh chấp là 2 nền tái định cư phải được giải quyết theo quy định về thừa kế theo pháp luật vì di chúc của bà L để cho bà H1 một nền và bà A một nền là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X là ông Đinh Nguyễn Đăng K1 trình bày có biết được ý muốn của ông C là chia lại di sản, tuy nhiên do ông K1 không có tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm nên không biết là Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét ý kiến của ông C hay không. Như vậy, qua các ý kiến trình bày bằng văn bản của ông C tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm và trình bày của ông K1 tại cấp phúc thẩm thì ông C có ý kiến khác với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và có ý kiến độc lập với yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của ông C nhưng chưa làm rõ các yêu cầu này của ông C để xác định đối tượng tranh chấp và nội dung tranh chấp là còn có thiếu sót trong xác định yêu cầu của đương sự trong vụ án.

[1.3] Về hàng thừa kế: theo bản án sơ thẩm xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T4 gồm có các con bà T4 là bà Phù Thị S, ông Phù Văn S1, bà Phù Thị S2, bà Phù Thị H2. Những người này được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về hàng thừa kế trong đó xác định do bà T4 chết trước cụ D, cụ T3 nên không được xác định là người thừa kế của cụ D, cụ T3 là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định hàng thừa kế của cụ D, cụ T3 gồm 5 chi, trong đó không có chi của bà T4 là xác định thiếu hàng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự.

[1.4] Về thu thập chứng cứ: theo trình bày ý kiến của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông C tại các bút lục 153-156; 160-162 có đề cập đến di chúc của bà L và có ý kiến không đồng ý với di chúc và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đồng thời có đề cập đến các di sản của cụ D, cụ T3 chết để lại cho các đồng thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có bà L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập, xác minh làm rõ các chứng cứ liên quan đến các ý kiến trình bày của các đương sự liên quan đến di sản thừa kế của cụ D, cụ T3 để xem xét giải quyết vụ án là còn thiếu sót trong thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ.

[1.5] Ngoài ra, về xác định tư cách tố tụng: trong vụ án này bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ D, cụ T3 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định những anh chị

em ruột của bà H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D, cụ T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do bà H chết nên xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là con bà H nhưng do con bà H là ông P4 chết nên xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà H là các cháu ruột và chị em ruột của bà H là bà X và ông C. Tuy nhiên, bà X và ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền lợi đối lập với bà H do cùng hàng thừa kế với bà H nhưng cấp sơ thẩm xác định bà X, ông C kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Từ những nhận định trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bỏ sót yêu cầu của đương sự, xác định sai tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, đồng thời có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[1.7] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định khởi kiện ông Đinh Nguyễn Điền K và bà Bùi Thị Thu H3 đối với diện tích 292,4m² thuộc thửa 2417 và thửa 2418, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, trong đó đã được cập nhật biên động sang tên thửa đất 2417 cho bà Bùi Thị Thanh H1 và thửa đất 2418 cho bà Đinh Nguyễn Hoàng A. Vì vậy, khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ ý kiến yêu cầu của nguyên đơn để xác định lại tư cách của bà Đinh Nguyễn Hoàng A trong vụ án.

[2] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà P, bà P3, ông P1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp. Tuy nhiên, do các đương sự kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng và có tình tiết mới ở cấp phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của những người kháng cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Nguyễn Hùng P1.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bùi Nguyễn Cúc P, bà Bùi Nguyễn Diễm P3.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Bùi Nguyễn Hùng P1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004250 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Hoàn trả cho bà Bùi Nguyễn Cúc P, bà Bùi Nguyễn Diễm P3 mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0004248, 0004249 cùng ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP D;
- Chi cục THADS TP D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

